

## QUYẾT ĐỊNH

### Cấp học bổng KKHT Học kỳ 1 năm học 2022-2023 cho sinh viên bậc Đại học hệ chính quy

#### GIÁM ĐỐC

#### PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-PHDHLN-SV ngày 07/02/2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành quy định về học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 331/QĐ-PHDHLN-SV ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc công nhận kết quả rèn luyện học kỳ 1 năm học 2022-2023 cho sinh viên bậc Đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Hội đồng thi đua khen thưởng Khối Sinh viên.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 năm học 2022-2023 cho 76 sinh viên bậc Đại học hệ chính quy, trong đó: 17 suất học bổng Xuất sắc, 44 suất học bổng Giỏi; 15 suất học bổng Khá.

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Thời gian cấp học bổng KKHT học kỳ 1 năm học 2022-2023 là 05 tháng, các mức cấp học bổng KKHT theo từng khóa học, ngành học, cụ thể như sau:

**a. Đối với khóa 64**

+ Học bổng Xuất sắc: 1.180.000 đ/tháng x 8 suất x 5 tháng = 47.200.000 đồng.

+ Học bổng Giỏi: 1.080.000 đ/tháng x 4 suất x 5 tháng = 21.600.000 đồng

**b. Đối với khóa 65, 66 và 67**

**- Đối với các ngành: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai:**

+ Học bổng Xuất sắc: 1.180.000 đ/tháng x 5 suất x 5 tháng = 29.500.000 đồng.

+ Học bổng Giỏi: 1.080.000 đ/tháng x 20 suất x 5 tháng = 108.000.000 đồng.

+ Học bổng Khá: 980.000đ/tháng x 7 suất x 5 tháng = 34.300.000 đồng.

**- Đối với các ngành: Công nghệ sinh học, Công nghệ chế biến Lâm sản, Kiến trúc cảnh quan, Thiết kế nội thất, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Thú y:**

+ Học bổng Xuất sắc: 1.370.000 đ/tháng x 4 suất x 5 tháng = 27.400.000 đồng.

+ Học bổng Giỏi: 1.270.000 đ/tháng x 20 suất x 5 tháng = 127.000.000 đồng.

+ Học bổng Khá: 1.170.000đ/tháng x 8 suất x 5 tháng = 46.800.000 đồng

Tổng cộng: **441.800.000 đồng**

Số tiền bằng chữ: *Bốn trăm bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng.*

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị có liên quan, CVHT/GVCN lớp và Sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *TS*

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, SV.



**Mai Hải Châu**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG TRONG HK1\_ NĂM HỌC 2022-2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **348/QĐ-PHDHLN-SV** ngày **4**. tháng **4**. năm 2023  
của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Kết quả HT		Kết quả RL		Loại học bổng	Số tiền
					Điểm	Xếp Loại	Điểm	Xếp loại		
<b>A</b>		<b>Loại Xuất Sắc</b>								<b>104.100.000</b>
	<b>I</b>	<b>Khoa Kinh tế</b>								<b>35.400.000</b>
1	1	197340301028	Vũ Thúy Vinh	K64_KT	3,69	Xuất sắc	90,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
2	2	197340101022	Huỳnh Thành Nam	K64_QTKD	3,81	Xuất sắc	95,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
3	3	197340101004	Đào Thị Kim Diễm	K64_QTKD	3,72	Xuất sắc	94,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
4	4	217340301013	Nguyễn Thị Thanh Thúy	K66_KT	3,81	Xuất sắc	92,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
5	5	217340301010	Trần Thị Tuyết Nhung	K66_KT	3,69	Xuất sắc	93,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
6	6	227340101011	Phan Thị Hương	K67_QTKD	3,63	Xuất sắc	90,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
	<b>II</b>	<b>Khoa Lâm học</b>								<b>23.600.000</b>
7	1	197580110003	Trần Hoàng Luân	K64_KTCQ	3,82	Xuất sắc	95,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
8	2	197850103001	Phạm Hương Quế Anh	K64_QLDD	3,94	Xuất sắc	91,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
9	3	207850103011	Kiều Quang Huy	K65_QLDD	3,71	Xuất sắc	91,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
10	4	217850103024	Lê Hoàng Nhã Trân	K66_QLDD	3,64	Xuất sắc	94,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
	<b>III</b>	<b>Khoa Nông học</b>								<b>32.350.000</b>
11	1	197850101003	Mâu Thị Chinh	K64_KHCT	3,79	Xuất sắc	93,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Kết quả HT		Kết quả RL		Loại học bổng	Số tiền	
					Điểm	Xếp Loại	Điểm	Xếp loại			
12	2	197640101048	Võ Trần Yến	Nhi	K64B_TY	3,86	Xuất sắc	94,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
13	3	207620112009	Nguyễn Văn	Thành	K65_BVTV	3,88	Xuất sắc	94,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	6.850.000
14	4	207620105002	Nịnh Thị	Phúc	K65A_TY	3,84	Xuất sắc	94,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	6.850.000
15	5	217640101014	Nguyễn Anh	Hào	K66B_TY	3,80	Xuất sắc	90,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	6.850.000
	<b>IV</b>	<b>Khoa TN&amp;MT</b>									<b>12.750.000</b>
16	1	197620211001	Lê Trương Trọng	Bình	K64_QLTNR	3,93	Xuất sắc	92,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	5.900.000
17	2	207620211003	Ông Văn	Cường	K65_QLTNR	3,81	Xuất sắc	97,0	Xuất sắc	SV Xuất sắc	6.850.000
<b>B</b>		<b>Loại Giỏi</b>									<b>256.600.000</b>
	<b>I</b>	<b>Khoa CN&amp;KT</b>									<b>31.750.000</b>
18	1	207549001003	Hoàng Thị Ngọc	Diễm	K65_CBLS	3,63	Xuất sắc	82,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
19	2	207580108007	Ba Râu	Rậy	K65_TKNT	3,79	Xuất sắc	86,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
20	3	217580108006	Lương Lâm	Nhi	K66_TKNT	3,44	Giỏi	81,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
21	4	217580108015	Vũ Thị Bích	Phượng	K66_TKNT	3,26	Giỏi	81,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
22	5	227580108007	Trần Thụy	Vy	K67_TKNT	3,79	Xuất sắc	82,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
	<b>II</b>	<b>Khoa Kinh tế</b>									<b>54.000.000</b>
23	1	207340101011	Ngô Trung	Kiên	K65_QTKD	3,53	Giỏi	95,0	Xuất sắc	SV Giỏi	5.400.000
24	2	207340101014	Nguyễn Thị Hoài	My	K65_QTKD	3,53	Giỏi	81,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
25	3	217340101060	Phạm Vũ Nhật	Thảo	K66_QTKD	3,85	Xuất sắc	81,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
26	4	217340101028	Nguyễn Vân	Anh	K66_QTKD	3,58	Giỏi	94,0	Xuất sắc	SV Giỏi	5.400.000
27	5	217340101001	Huỳnh Thị Kim	Ly	K66_QTKD	3,46	Giỏi	81,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Kết quả HT		Kết quả RL		Loại học bổng	Số tiền
					Điểm	Xếp Loại	Điểm	Xếp loại		
28	6	217340101020	Nguyễn Duy Nhật	K66_QTKD	3,35	Giỏi	83,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
29	7	217340301024	Nguyễn Hương Ngọc Trúc	K67_KT	3,94	Xuất sắc	82,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
30	8	227340301017	Phan Thị Bích Huệ	K67_KT	3,92	Xuất sắc	81,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
31	9	227340301034	Trần Thị Thùy Trang	K67_KT	3,89	Xuất sắc	80,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
32	10	227340101015	Bùi Xuân Mai	K67_QTKD	3,57	Giỏi	82,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
	<b>III</b>	<b>Khoa Lâm học</b>								<b>37.800.000</b>
33	1	207850103014	Trần Lê Thắng Lợi	K65_QLDD	3,55	Giỏi	80,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
34	2	217850103003	Lê Chí Chung	K66_QLDD	3,42	Giỏi	88,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
35	3	217850103020	Trần Trung Thống	K66_QLDD	3,31	Giỏi	86,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
36	4	227850103037	Hoàng Phan Mỹ Triều	K67_QLDD	3,80	Xuất sắc	87,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
37	5	227850103032	Nguyễn Thị Thùy Tiên	K67_QLDD	3,63	Xuất sắc	88,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
38	6	227850103027	Nguyễn Tá Quang	K67_QLDD	3,60	Xuất sắc	85,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
39	7	227850103049	Tạ Minh Mạnh	K67_QLDD	3,40	Giỏi	84,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
	<b>IV</b>	<b>Khoa Nông học</b>								<b>111.450.000</b>
40	1	197640101019	Nguyễn Bá Giác	K64A_TY	3,58	Giỏi	96,0	Xuất sắc	SV Giỏi	5.400.000
41	2	197640101063	Dương Thị Hoàn Trâm	K64A_TY	3,53	Giỏi	96,0	Xuất sắc	SV Giỏi	5.400.000
42	3	197640101011	Nguyễn Hoàng Dũng	K64B_TY	3,58	Giỏi	80,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
43	4	207640101064	Nguyễn Quốc Việt	K65A_TY	3,32	Giỏi	94,0	Xuất sắc	SV Giỏi	6.350.000
44	5	207640101075	Nguyễn Thị Trinh	K65B_TY	3,42	Giỏi	86,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
45	6	207640101074	Huỳnh Thị Hương Huyền	K65B_TY	3,32	Giỏi	86,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000

TP  
 AI  
 N  
 M  
 TA  
 Đ  
 Đ  
 /  
 04

*(Handwritten mark)*

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Kết quả HT		Kết quả RL		Loại học bổng	Số tiền	
					Điểm	Xếp Loại	Điểm	Xếp loại			
46	7	217620110007	Phạm Thanh	Hài	K66_KHCT	3,39	Giỏi	90,0	Xuất sắc	SV Giỏi	6.350.000
47	8	217640101089	Võ Ngọc Thúy	Vi	K66A_TY	3,53	Giỏi	90,0	Xuất sắc	SV Giỏi	6.350.000
48	9	217640101028	Nguyễn Hữu	Lợi	K66A_TY	3,53	Giỏi	86,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
49	10	217640101031	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	K66B_TY	3,57	Giỏi	87,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
50	11	217640101083	Hồ Thụy Kim	Ngân	K66B_TY	3,53	Giỏi	91,0	Xuất sắc	SV Giỏi	6.350.000
51	12	217640101097	Bùi Thị Cẩm	Huế	K66B_TY	3,33	Giỏi	94,0	Xuất sắc	SV Giỏi	6.350.000
52	13	227620112001	Đào Công	Danh	K67_BVTV	3,70	Xuất sắc	82,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
53	14	227640101009	Trần Phạm Quang	Đạt	K67A_TY	3,74	Xuất sắc	82,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
54	15	227640101012	Huỳnh Dương Như	Đoan	K67A_TY	3,71	Xuất sắc	83,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
55	16	227640101068	Trần Gia	Huy	K67B_TY	3,59	Giỏi	83,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
56	17	227640101021	Nguyễn Đức	Hòa	K67B_TY	3,53	Giỏi	87,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
57	18	227640101081	Huỳnh Ngọc	Mai	K67B_TY	3,50	Giỏi	88,0	Tốt	SV Giỏi	6.350.000
	<b>V</b>	<b>Khoa TN&amp;MT</b>									<b>21.600.000</b>
58	1	197850101007	Nguyễn Thị	Phương	K64_QLTN&MT	3,41	Giỏi	82,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
59	2	207850101004	Trần Công	Việt	K65_QLTN&MT	3,36	Giỏi	90,0	Xuất sắc	SV Giỏi	5.400.000
60	3	217850101005	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	K66_QLTN&MT	3,35	Giỏi	96,0	Xuất sắc	SV Giỏi	5.400.000
61	4	227850101013	Đặng Anh	Hào	K67_QLTN&MT	3,50	Giỏi	89,0	Tốt	SV Giỏi	5.400.000
<b>C</b>		<b>Loại Khá</b>									<b>81.100.000</b>
	<b>I</b>	<b>Khoa Kinh tế</b>									<b>14.700.000</b>
62	1	207340301047	Vũ Thị Hải	Yến	K65_KT	3,18	Khá	84,0	Tốt	SV Khá	4.900.000

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

*(Handwritten mark)*

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Kết quả HT		Kết quả RL		Loại học bổng	Số tiền
					Điểm	Xếp Loại	Điểm	Xếp loại		
63	2	207340301027	Nguyễn Thanh Thúy	K65_KT	2,50	Khá	92,0	Xuất sắc	SV Khá	4.900.000
64	3	217340101004	Nguyễn Ánh Hồng	K66_QTKD	3,12	Khá	75,0	Khá	SV Khá	4.900.000
	<b>II</b>	<b>Khoa Lâm học</b>								<b>14.700.000</b>
65	1	217850103034	Phan Văn Thành Hiếu	K66_QLDD	3,11	Khá	89,0	Tốt	SV Khá	4.900.000
66	2	217850103009	Nguyễn Ngọc Khải	K66_QLDD	3,06	Khá	92,0	Xuất sắc	SV Khá	4.900.000
67	3	217850103025	Võ Thành Trường	K66_QLDD	3,03	Khá	88,0	Tốt	SV Khá	4.900.000
	<b>III</b>	<b>Khoa Nông học</b>								<b>29.250.000</b>
68	1	207640101047	Phan Thùy Anh Thư	K65B_TY	3,11	Khá	84,0	Tốt	SV Khá	5.850.000
69	2	217620112003	Nguyễn Trần Đăng Khoa	K66_BVTV	3,07	Khá	86,0	Tốt	SV Khá	5.850.000
70	3	217640101024	Nguyễn Thị Hoàng Lan	K66A_TY	3,17	Khá	80,0	Tốt	SV Khá	5.850.000
71	4	217640101046	Lê Thị Minh Thy	K66A_TY	3,00	Khá	86,0	Tốt	SV Khá	5.850.000
72	5	217640101093	Nguyễn Nhật Hào	K66A_TY	2,97	Khá	83,0	Tốt	SV Khá	5.850.000
	<b>IV</b>	<b>Khoa TN&amp;MT</b>								<b>22.450.000</b>
73	1	217620211011	K' Rêuh	K66_QLTNR	3,15	Khá	81,0	Tốt	SV Khá	5.850.000
74	2	217620211008	Nguyễn Thanh Phong	K66_QLTNR	3,06	Khá	71,0	Khá	SV Khá	5.850.000
75	3	217850101015	Phạm Tiến Đạt	K66_QLTN&MT	3,04	Khá	84,0	Tốt	SV Khá	4.900.000
76	4	227620211004	Hà Công Hà	K67_QLTNR	3,18	Khá	87,0	Tốt	SV Khá	5.850.000
			<b>Tổng</b>							<b>441.800.000</b>

(Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng)

HỘI ĐỒNG GIÁO DỤC

*[Handwritten signature]*